

# Sống Nửa Cuộc Đời



Trên  
Đất Mỹ

Hương Dương TxĐ

2005

## Bản Mục Lục

Chương Một: Mùa Thu tại Nữ Ước	.....	3
Chương Hai: Chạm Trán với Thực Tế	.....	24
Chương Ba: Mùa Đông tại Nữ Ước	.....	46
Chương Bốn: Mùa Xuân tại California	.....	70
Chương Năm: Sống lại Đời Sinh Viên	.....	92
Chương Sáu: Gia Đình Đoàn Tụ	.....	115
Chương Bảy: Nỗ Lực và Thành Công	.....	136
Chương Tám: Những Chuyện Xuân Tàn	.....	150
Chương Chín: Về Một Cuộc Ra Đi	.....	166
Chương Mười: Lịch Sử Đã Soay Vần	.....	189
Chương Chót: Vài Giòng Kết Luận	.....	201

## Chương Nhất

### Mùa Thu Tại Nữ Ước

Hoàng đến đất Mỹ, mảnh đất sẽ dung thân trong phần còn lại của cuộc đời anh, vào tháng mười năm 1981. Số anh năm đó gặp nhiều may mắn. Anh đã thoát chết bên Kämpuchia. Anh đã được chấp nhận vào Mỹ mặc dù trước đó đã được nhận vào Pháp. Anh đã bị đẩy đi Alabama, nhưng sau đấy đã tranh đấu để được đi Nữ Ước và đã được toại nguyện. Trên con đường dài đưa anh từ Saigon thân thương đến bao nơi xa lạ trên đất khách quê người, anh đã gặp nhiều người giúp đỡ, từ Lon, người dẫn đường Miên trung thành đã đưa anh vượt qua cái chết để tìm đến một cuộc sống mới, cho đến bao nhiêu người anh đã gặp tại các trại tị nạn và những người anh đã quen biết vẫn còn nhớ đến anh sau bảy năm lay lắt sống trong quên lãng dưới chế độ Cộng Sản.

Từ phi trường JFK, anh đã được ngồi trên chiếc Cadillac của Seymour, chồng của Florence để đi về nhà họ ở Merrick, một thành phố nhỏ nằm trên bán đảo Long Island, ở miền nam thành phố Nữ Ước. Chiếc xe chạy giữa một rừng xe hơi trên những xa lộ rộng thênh thang, anh chưa từng bao giờ được thấy trong đời. Hôm ấy là chiều thứ sáu, trời đã xẩm tối và những chiếc đèn pha chói sáng làm lóa đôi mắt nhà quê của anh. Bảy năm sống trong thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa, anh đã quên đi cuộc sống văn minh. Anh đã quên đi cả những cái gì tầm thường nhất như chiếc xe hơi, bộ đồ complet và chiếc cravate, bao thuốc lá thơm và ly rượu cognac. Nay anh đã rời vùng âm u của một quá khứ đen tối để trở lại với ánh sáng của văn minh, anh đã lại được ngồi trên chiếc xe hơi, đi trên những xa lộ thênh thang, nhìn những ánh đèn xe soi sáng cả một vùng trời bao la. Ngày mai đây, anh sẽ trở lại sống cuộc sống mà anh đã sống trước ngày bọn Cộng Sản tràn vào miền Nam thân yêu. Anh sẽ bỏ hút thuốc rê để trở lại với những bao thuốc thơm Pall Mall đỏ. Anh sẽ giã từ rượu đế rẻ tiền để trở lại với những ly Cognac và Scotch Whisky thơm ngạt ngào. Anh sẽ lại bận đồ lớn, đeo cravate, mang kính gọng vàng để lại trở thành một ông thầy. Anh sẽ không chút thương tiếc quên đi cuộc đời cu li xích lô mà anh đã phải sống bao năm tháng, quên đi những câu chữ thề, quên đi những hành động vũ phu mà anh đã học được khi lăn lộn trong giới đập xích lô nhà nghề. Ôi những ngày đau thương ấy nay đã trôi qua, những ngày tới tuy sẽ còn nhiều khó khăn nhưng sẽ không còn đau thương nữa.

Ngày anh đến Merrick, trời đã về Thu, không còn cái nóng bức của mùa hè của Nữ Ước mà chỉ còn là cái khí hậu mát rười rượi. Quang cảnh mùa Thu sao đẹp lạ lùng. Lá cây đã ngả màu vàng đỏ và đã bắt đầu rụng đầy đường.

Trời Thu âm u và những cơn gió thổi đã làm làn da anh nổi gai ốc. Năm ấy anh ba mươi chín tuổi nhưng bỗng nhiên anh cảm thấy trẻ đi mười tuổi, và nhìn cuộc đời màu hồng. Hay ít ra anh cũng đã trẻ đi bấy tuổi, vì bấy năm sống với Cộng Sản tại quê nhà anh đã không sống, anh đã chết, hay anh đã ngủ một giấc dài, nay chẳng còn cái gì đáng để giữ lại trong tiềm thức. Sáu tháng trên con đường đi tị nạn, anh đã sống một mình, anh đã trở nên một thanh niên lặn lội bên những thanh niên khác mà anh đã làm quen. Anh đã hành động như họ và có thể anh cũng đã suy nghĩ như họ. Bạn anh là những thanh niên độc thân xa nhà, nhớ mẹ và nhớ người yêu. Anh cũng nhớ mẹ già nhưng chẳng còn người yêu nào để nhớ. Nhiều lúc anh đã quên đi rằng anh đã lập gia đình, đã có vợ và bốn đứa con nhỏ. Hoàn cảnh độc thân đã làm anh nhiều khi lầm tưởng rằng mình chưa có vợ con. Và lại, tình thế lúc đó làm cho anh nghĩ rằng khó có ngày anh được gặp lại gia đình hay nói cho đúng hơn, ngày anh được gặp lại gia đình còn xa vời lắm. Ý tưởng đó càng làm cho anh cảm thấy rằng mình sẽ phải sống cô độc, và vì không còn bị ràng buộc nên anh càng thấy mình trẻ trung.

Merrick là một tỉnh nhỏ, một trạm dừng của chiếc xe lửa chạy dọc con (bán) đảo dài để đưa những người dân trên vùng đảo này đến Manhattan, tức là trung tâm Nữu Ước. Tuy tỉnh nhỏ nhưng thời gian anh sống ở đó, anh cũng không đi đâu xa hơn là quanh quanh nơi anh ở nên anh cũng chẳng biết hết Merrick. Căn nhà của gia đình Hellman, một gia đình người do thái đã bảo trợ cho anh đến tị nạn tại đất Mỹ, nằm ở khu vực sang trọng, nơi có những căn nhà đẹp nhất và nơi những gia đình sang trọng nhất tỉnh cư ngụ.

Khi về đến Merrick, Seymour đậu chiếc xe nơi phía sau nhà rồi dẫn anh ra phía trước để cho anh vào bằng cổng chính. Florence ra cửa đón anh và mừng rỡ dang tay ra ôm anh vào người, đón anh theo kiểu Mỹ. Anh không quen ôm đàn bà lạ, nhất là đàn bà lớn hơn anh hai chục tuổi, nên anh cảm thấy bỡ ngỡ, khó chịu. Nhưng rồi cũng xong, Florence cũng nhận ra rằng anh là thằng nhà quê, không biết ôm phụ nữ nên rồi cũng buông anh ra. Bà hỏi anh, "Thế nào, anh thấy nước Mỹ ra sao? Anh có thích không?" Anh chỉ cười ruồi, gật đầu không nói gì. Anh mới đến Mỹ được có bốn ngày, đã biết gì đâu để mà trả lời? Rồi bà dẫn anh lên lầu chỉ cho anh căn phòng nhỏ mà bà dành cho anh. Bà bảo anh bỏ chiếc sách tay mà anh đã ôm đến đất Mỹ từ những trại tị nạn bên đất Thái và Nam Dương. Trong cái sách tay, của cải của anh không có gì hơn là dăm ba cái quần sà lòn, áo maillot đã ngả màu cháo lòng, cái khăn quàng cổ, kỷ niệm duy nhất còn lại từ cuộc băng rừng Campuchia để đến biên giới Thái, vài ba giấy tờ chứng minh tư cách tị nạn của mình, và ít đồ dùng cá nhân như xà bông, khăn mặt, bàn chải và kem đánh răng. Sau đó bà dẫn anh xuống trở lại dưới nhà và đưa anh đi một vòng xem căn nhà. Anh ngó ngó ngẩn ngẩn đi theo bà, nghe bà nói nhưng chẳng hiểu được cho hết những gì bà kể cho anh nghe vì anh chưa quen tiếng Anh. Anh chỉ mỉm cười gật đầu để tỏ vẻ sung sướng đã được chấp nhận vào gia đình Hellman.

Rồi Florence dẫn anh đi ra sân sau nơi có kê một chiếc bàn nhỏ và bốn cái ghế có nệm, loại ghế có thể kéo dài ra để làm thành ghế nằm chơi. Anh thấy Seymour đang ngồi nơi đây và bên cạnh ông là một thằng bé con khoảng 13 tuổi trông mặt láu lỉnh dễ ghét. Sau này anh sẽ khổ vì nó. Florence ngồi xuống bên Seymour và bảo anh ngồi bên cạnh thằng nhóc con. Bà giới thiệu anh với nó, "Robbie, đây là Hoàng, người mà con trông đợi muốn gặp từ mấy tháng nay." rồi bà quay sang anh, "Đây là Robbie, đứa nhỏ nhất nhà. Ba anh chị nó đều đi làm ở xa. Randy đang dạy học ở Stanford, California. Bruce đang ở bên Đức. Nó làm cho một hãng truyền thông. Còn Tally làm y tá ở New Jersey." Lúc này bà đã chỉ cho anh những tấm hình gia đình treo trên tường trong phòng khách, cả mấy chục tấm hình to nhỏ chụp từ bao nhiêu năm trước và đã nói cho anh nghe về từng người, nhưng anh đâu có tai đâu mà nghe? Tâm trí anh còn ở đâu đâu. Và lại anh còn lạ nước lạ cái, anh còn bỡ ngỡ, chẳng biết mình đang ở đâu, đang làm gì nơi đây.

- Anh uống một ly Manhattan với chúng tôi nghe!

Anh chẳng biết Manhattan là cái gì nhưng anh cũng trả lời đại, "Vâng!" Seymour lấy cái ly pha lê đổ rượu đã pha sẵn từ một cái bình cũng bằng pha lê đưa cho anh. Sau này anh được Seymour giao cho cái nhiệm vụ pha Manhattan vào mỗi chiều cuối tuần: một phần whisky Mỹ hai phần vang bourbon ngọt và cả đồng nước đá đã say nhỏ, cho vào bình pha lê rồi lấy chiếc muỗng dài mà khuấy cho đều. Thời gian anh ở với gia đình Hellman, anh đã uống không biết bao nhiêu ly Manhattan, uống riết đâm nghiện. Một chai whisky Mỹ có ba bốn đồng bạc, chai bourbon có một hai đồng, tha hồ uống cho say say, để thấy lâng lâng như mình đang bay bổng trên không trung. Vì rượu ngọt nên uống không say liền, uống chừng mười lăm phút nửa giờ sau đó mới thấy thắm. Anh không thích Manhattan bằng cognac, nên khi ở trong phòng một mình, anh thường hay tu cognac. Chẳng cần đổ ra ly, cứ cầm nguyên chai mà uống cho say mềm, say để rồi đi ngủ như chết, để quên đi bao nỗi buồn cứ xen vào tâm hồn mình.

- Anh uống đi rồi cho tôi biết anh có thích không.

Anh nhắc ly rượu lên môi làm một ngụm. Cái vị ngọt ngọt thấy cũng dễ chịu, Anh nói:

- Ngon lắm. Tôi thấy thích thứ này!

Seymour nhìn anh gật gù rồi với tay lấy chiếc lọ thủy tinh chứa những nắm gì trắng trắng hình bầu dục ngâm trong nước trong vắt tựa như nước lã, trông giống những nắm giò nấu canh rau đay mà mẹ anh thường nấu ở bên nhà nhưng to hơn nhiều. Ông cầm chiếc nĩa vào và vớt ra hai miếng, một

miếng cho Florence và một miếng cho anh. Anh hỏi Florence nó là cái gì thì bà nói đó là một món cá nầm đặc biệt của người Do Thái. Anh dùng nĩa đưa miếng cá vào mồm cắn một miếng, rồi nhai. Anh thấy món cá Do Thái này chẳng ngon lành gì vì nó lạt lẽo, vô vị mà lại không giòn dai như miếng giò trong canh rau đay. Cả Seymour lẫn Florence đều nhìn để xem phản ứng của anh ra sao. Anh bèn làm ra vẻ thú vị và nói, “ngon đấy chứ!” Florence nói, “Anh thích món cá này hả? Anh vội trả lời, “Vâng, tôi thích lắm, nó không có mùi tanh của cá!” Bà mỉm cười sung sướng. Hôm ấy là lần đầu tiên trong đời anh được nếm những món ăn lạ của dân Do Thái, những miếng bánh lạt, những hạt đậu luộc, cottage cheese... Người Do thái họ không ăn jambon xúc xích như người Pháp nên những món anh thèm từ lâu thì không có. Họ cũng ít ăn bơ mà lại ăn margarine nên anh thấy chán đời làm sao!

Chiều về trời hơi lạnh lạnh mà anh chẳng có áo ấm mà mặc. Gió thu thổi hiu hiu làm anh nổi da gà. Những chiếc lá to của giống cây Maple rơi rụng khắp sân, dẫm lên nghe rào rào. Florence ngồi một lúc rồi đi vào nhà làm bếp chuẩn bị cho bữa ăn tối. Thằng nhóc con đã trốn đi chơi đâu lúc nào anh cũng chẳng hay. Chỉ còn anh và Seymour ngồi uống Manhattan và nói chuyện. Seymour hỏi anh đủ thứ chuyện về cha mẹ anh, anh em anh, về cuộc sống lúc nhỏ, lúc lớn, đi học, lấy vợ đẻ con. Ôi đủ thứ chuyện, trả lời bằng tiếng Anh mới cả quai hàm vì anh đâu đã quen nói tiếng Anh? Đến khi trời xẩm tối và cả Seymour lẫn anh đã ngà ngà say, hai người đứng dậy đi vào nhà trong. Seymour ôm mấy gói bánh và mấy lọ đồ ăn, còn anh lo dọn đĩa, ly, dao, nĩa và cái bình đựng rượu nay đã cạn. Đã quá nửa năm anh không có cái cảm giác sung sướng do rượu say mang đến vì kể từ ngày ra đi khỏi Battambang anh đâu có rượu mà uống? Những ngày ở trại tị nạn, thiếu gì rượu bán lén nhưng anh đã chẳng có tiền mà mua. Những đứa bạn trong trại có bà con ở ngoại quốc gửi tiền cho đều đều tha hồ ăn uống, thuốc lá cà phê, và cả bia rượu lẫn gái nữa. Còn anh chẳng có ai gửi cho đồng xu nào ngoại trừ 50 đô la do một người cô bên Pháp gửi cho vào cái lúc anh chuẩn bị lên máy bay ở Singapore để đi Mỹ. Anh đã dùng số tiền ấy để mua một chiếc sơ mi cụt tay và một đôi giày vải, vì suốt thời gian lẫn lộn ở các trại tị nạn trước đó anh chỉ đi dép mủ và mặc áo thun. Không gì sung sướng hơn là lại được nuốt những ngụm rượu để cảm thấy cái cảm giác nóng nóng nơi cổ họng và sự ngây ngất trong lòng. Cả đời anh, anh đã uống rượu để quên những ưu tư cấu xé tâm óc anh. Anh không hiểu vì sao anh có bao nhiêu buồn phiền, có lẽ bởi vì anh đa cảm mà lại ôm đồm nhiều ước vọng, không những những ước vọng vị kỷ, vì ai là người không vị kỷ, nhưng cả những ước vọng bất vụ lợi nữa. Anh đã quá mê say với cuộc đời, với con người mà thấy mình không làm được những gì mình muốn. Thân làm tội đời, anh đã khổ sở không ít. Và rượu đã là phương thuốc giải sầu, làm cho anh quên đi ưu tư phiền muộn.

Hai người vào đến nhà bếp, Seymour bảo anh để những đồ anh ôm trên tay vào chậu rửa bát còn ông cất những thức ăn vào tủ lạnh hay nơi tủ góc nhà bếp. Sau đó Seymour chui vào trong một căn phòng nhỏ nơi có những kệ chứa sách, mấy ghế bành, và một máy truyền hình. Ông vặn chiếc truyền hình lên và ngồi đó xem. Anh đã theo chân ông vào nơi đó và cũng ngồi xuống một ghế bành nghỉ ngơi. Anh chưa quen xem truyền hình, nhất là truyền hình Mỹ nên chẳng buồn theo dõi trận banh mà Seymour đang xem một cách thích thú. Và lại nếu có coi, anh cũng sẽ chẳng hiểu gì vì người Mỹ họ không chơi túc cầu như mình. Họ chơi banh bầu dục giống như rugby, nhưng không phải là rugby. Sau này anh được biết đó là túc cầu Mỹ, và chỉ có Mỹ và Nhật Bản là hai nước chơi loại thể thao này.

Anh đang nhắm mắt để tâm hồn lơ lửng bay về nơi đâu đâu thì bỗng nhiên anh thấy có ai vỗ nhẹ vào vai. Anh mở mắt ngược nhìn lên phía sau thì thấy thằng nhóc Robie nó vẫy vẫy tay ra hiệu cho anh theo nó. Anh bèn miễn cưỡng đứng dậy đi ra ngoài và theo Robie lên trên lầu. Nó đưa anh vào trong căn phòng riêng của nó, ngay cạnh căn phòng dành cho anh. Căn phòng của Robie bừa bộn dơ dáy, quần áo, chăn mền, đồ chơi, sách vở vứt bừa bãi khắp nơi. Robie bảo anh ngồi xuống chiếc giường rồi nó hỏi anh có biết chơi dungeon and dragons hay không. Anh chẳng hiểu nó nói cái gì và trả lời, "không!" Nó nhìn anh như nhìn một thằng mọi và nói, "Sao mà lại không biết chơi dungeon and dragons? Bộ ở xứ này không ai chơi trò chơi này hay sao?" Rồi nó kể cho anh nghe rằng bên này ai cũng chơi trò chơi dungeon and dragons và rằng đó là một trò chơi thông minh không phải ai cũng chơi được. Anh nghe nó nói tưởng nói gió cũng hơi thấy khó chịu. Anh nghĩ thằng nhóc này được bố mẹ nuông chiều nên hư. Sau này quả nhiên là đúng như vậy. Robie là một thằng bé cứng đầu, ương ngạnh, lưỡi biếng và ham chơi hơn ham học, thích ăn nói khoác lác. Sống bên nó anh gặp bao cảnh chướng tai gai mắt, bực mình mà phải cắn răng chịu không làm gì được. Anh nghĩ chỉ cần đá đít hay quất cho nó chục lần là đầu vào đó, hết mất dạy.

Nhìn thằng Robie, anh chợt nhớ đến những đứa con của anh, nhất là đứa con trai lớn hiện vẫn còn nằm trong khám Chí Hoà, nhà tù lớn ở Saigon. Tự dưng anh cảm thấy đau nhói trong tim. Con anh cũng lớn gần bằng thằng Robie này, chỉ thua nó có một tuổi, nhưng đã phải trải qua bao nhiêu kinh nghiệm đau thương do thời cuộc đưa đến. Mới mười hai tuổi đầu mà nó đã phải sống bảy năm trời trong sự đói khát nghèo nàn của xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa, trong ách bức của chế độ Cộng Sản. Nó đã trưởng thành mau chóng trong hoàn cảnh của đất nước và đã sớm hiểu và chấp nhận những gay go của cuộc sống cả vật chất lẫn tinh thần. Trong khi đó thì thằng Robie chỉ biết sung sướng, chỉ sống trong no ấm, hạnh phúc và lại được cha mẹ nuông chiều. Thật là hai thái cực.

Robie kéo một bàn cờ từ gầm giường và rủ anh đánh cờ với nó. Anh không biết đánh cờ tây nhưng cũng phải tập chơi với nó để lấy lòng. Nó chỉ cho anh cách chơi, nhưng vì không biết kiên nhẫn nên la hét inh cử tỏi làm anh bực mình khó chịu. Cũng may mà lúc anh bắt đầu muốn bợp tai nó thì Florence kêu xuống ăn cơm tối. Bà đứng chờ ngay nơi chân cầu thang và khi vừa thấy mặt thẳng Robie bà lên tiếng hỏi nó:

- Sao con chơi với Hoàng có thích không?
- Nó không khôn tí nào hết! Nó không biết chơi Dungeons and Dragons mà cũng chẳng biết đánh cờ.
- Con không được nói thế. Hoàng là người lớn. Con phải kính trọng ông ấy.
- OK. Nhưng nó ngu mà con phải nói là nó khôn vì nó là người lớn hay sao?
- Màm câm miệng lại đi. Đừng có hỗn với ông Hoàng!

Hoàng cảm thấy bực bội nhưng anh không nói gì. Chẳng gì thì anh vẫn còn là người lạ trong gia đình Hellman. Dần dần anh sẽ phải tập quen đi với những chướng tai gai mắt để có thể trải qua thời gian đầu trên đất lạ quê người một cách suông sẻ. Nếu không anh sẽ cảm thấy khó khăn hơn và sẽ không hội nhập được dễ dàng vào xã hội mới. Lối sống Mỹ không giống lối sống Việt chút nào, mà anh lại mới trải qua bảy năm trong sự cùm kẹp của một chế độ độc tài, khép kín và thiếu văn minh. Phải một thời gian nữa thì đầu óc anh mới lại làm việc một cách bình thường và thuần thục với những tập quán văn minh của xã hội Tây phương. Ngay cả việc tắm thường như dùng dao nĩa lúc ăn đối với anh cũng xa lạ bởi vì anh đã quen ăn nhậu theo lối cu li, dùng tay nhiều hơn là đũa chử đừng nói đến dùng dao nĩa. Tuy nhiên cái dĩ vãng sang trọng, thích ăn ngon mặc đẹp của anh vẫn còn đó. Anh vẫn thích ăn cơm tây, uống cognac, hút Pall Mall và ngậm pipe. Anh vẫn thèm ăn páté, xúc xích, bơ và phô mai.

Hoàng ngồi vào bàn ăn mà lòng thấy bâng khuâng, ngỡ ngàng. Đầu óc anh nghĩ mung lung. Đây là lần đầu tiên trong đời anh ngồi ăn với một gia đình xa lạ nhưng anh nghĩ rồi thì anh cũng sẽ phải quen đi vì anh đã chọn nhà ông bà Hellman làm nơi tạm trú, đã chấp nhận gia đình Hellman là gia đình đỡ đầu cho mình. Florence ngồi bên anh và bà đã tỏ ra ân cần với anh. Bữa cơm tối hôm đó, bữa ăn đầu tiên của anh tại gia đình người đỡ đầu, có súp cá, có gà quay, có bánh mì bơ, anh ăn cũng thấy ngon miệng. Trong bữa ăn đó Florence kể lại chuyện Randy, người con gái lớn của bà, đi sang Việt Nam vào đầu những năm 70, khi mà cuộc chiến vẫn còn ác liệt. Randy đã được học bổng của Stanford để đi làm một cuộc nghiên cứu nhân chủng học nơi đồng bằng sông Cửu Long. Cô đã sinh sống với những người dân quê nơi những làng mạc xa xôi và đã học nói tiếng Việt. Ngày cô trở về Hoa Kỳ, cô đã mang theo một đứa con lai xin từ một viện mồ côi về làm con nuôi.



Hoàng đã không hiểu tại sao một người con gái Mỹ chưa chồng lại đi xin con nuôi, nhất là đứa con nuôi ấy lại là con một người lính Mỹ da đen và một người đàn bà Việt.

Ăn xong bữa cơm tối, Seymour và anh đã làm cái công việc dọn bàn và rửa nồi niêu soong chảo bát đĩa. Hoàng làm cái công việc mở vòi cho nước nóng chảy xuống bát đĩa, muổng dao niã để làm trôi đi những thức ăn còn dính nơi đó rồi đưa cho Seymour để ông bỏ vào máy rửa chén. Lần đầu tiên trong đời anh được thấy chiếc máy tân tiến đó và Seymour đã cặn kẻ chỉ cho anh cách sử dụng máy. Sau đó, Seymour và anh phải cọ cho sạch những nồi niêu soong chảo mà Florence đã dùng để nấu bữa cơm hôm ấy. Seymour đã chỉ cho anh cách dùng bụi nhùi và bột Ajax để đánh cho bóng nhoáng những chiếc nồi, soong, chảo bằng nhôm rồi rửa cho sạch trước khi lấy khăn bông chùi cho khô và cất đi. Đối với anh đó là một cực hình mà sau này anh đã phải làm mỗi chiều tối sau khi cơm nước xong.

Florence đã vào căn phòng gia đình để nằm đọc sách và sau đó Seymour cũng vào đó ngồi coi truyền hình. Thằng nhóc Robie ngay sau khi ăn cơm xong đã trốn lên căn phòng riêng của nó. Hoàng cảm thấy mệt mỏi sau một ngày vất vả. Sáu giờ sáng hôm đó anh đã đáp xe buýt cùng với những người tị nạn khác ra phi trường San Francisco đáp chuyến máy bay dài sáu tiếng đồng hồ đến New York. Anh đã phải chờ gần ba tiếng tại phi trường New York đợi Seymour ra đón, trong khi tất cả những người đồng hành đã đi hết. Anh đã sống ba tiếng chờ đợi đó trong lo âu hồi hộp vì anh đã chẳng biết phải làm gì nếu người bảo trợ không ra đón anh.

Hoàng lên phòng mình nằm nghỉ và chẳng mấy chốc, anh đã ngủ thiếp đi. Trong cơn ngủ, anh đã mơ thấy mình còn đi trên những con đường rừng khiếp đảm bên Kämpuchia, nơi anh đã bị lạc bẫy ngày đêm trước khi tìm được lối thoát. Lúc ba giờ sáng, anh đã tỉnh dậy trong cơn hoảng hồn để thấy rằng đó chỉ là một cơn ác mộng. Để rồi anh không tìm lại được giấc ngủ và nằm thao thức mãi dưới ánh trăng chiếu qua khung cửa sổ nhỏ trở ra mái nhà.

Sáng hôm sau, một buổi sáng thứ bảy, anh đã tỉnh dậy trễ. Khi anh bước xuống nhà dưới, sau khi đã rửa mặt đánh răng trong căn phòng tắm trên lầu, thì Seymour và Florence đã ăn sáng xong và đang ngồi đọc báo nơi bàn ăn. Anh ngược mắt nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường và thấy đã gần mười giờ. Vừa trông thấy anh, Florence thốt lên:

- Anh đây rồi, anh Hoàng! Đêm qua anh ngủ hẳn là ngon giấc! Chúng tôi để anh ngủ vì biết rằng anh đang mệt mỏi.

Seymour cũng nói phụ vào:

- Chúng tôi vừa ăn sáng xong! Anh hãy ngồi vào bàn đi! Anh uống gì? Nước cam? Cà phê?
- Cám ơn! Cho tôi cà phê.

Seymour lấy bình cà phê từ chiếc máy lọc cà phê rót cho anh một tách lớn. Bên Mỹ, người ta uống cà phê như uống nước vì cà phê pha rất loãng mà lại uống với sữa tươi, không dùng đường. Hoàng thấy thèm một cốc cà phê phin uống với sữa đặc con chim, nhưng tìm đâu ra? Và lần đầu tiên trong đời anh ăn muffins với cottage cheese. Người Mỹ ăn cereal với sữa tươi và chuối tiêu còn xanh vào buổi sáng. Họ uống nước trái cây hoặc sữa tươi trước rồi mới uống cà phê. Người Việt sáng ăn bánh cuốn, xôi, ăn bánh mì thịt, ăn phở hay hủ tiếu Mỹ Tho, hủ tiếu Nam vang. Hoàng thèm một bát phở hay một tô hủ tiếu nhưng anh đang ở xứ người, thèm thì cứ thèm làm sao có được?

- Anh ăn English muffins nghe! Để tôi nướng cho anh?
- Cám ơn Seymour! Tôi có thể tự làm được mà!
- Không sao. Để tôi phục vụ anh. Anh là khách quý của chúng tôi.

Seymour tỏ vẻ rất lịch sự với anh, anh không hiểu tại sao. Ông lấy hai cái bánh màu trắng bịch từ một cái hộp giấy dài. Hoàng chưa ăn cái thứ bánh này bao giờ nên chẳng biết nó ngon lành hay không. Anh nghĩ thời xưa khi quê hương anh chứa chấp nửa triệu lính Mỹ thì những thứ này cũng có ở Saigon nhưng anh vốn nhà quê hay sao đó nên không hề biết đến những đồ ăn Mỹ ngoại trừ kẹo, bánh, rượu, và thuốc lá. Nay sang đến đất Mỹ cái gì đối với anh cũng là mới lạ. Anh nhớ hồi ấy, anh có một số học trò con nhà giàu mà anh đã dạy kèm để chuẩn bị thi tú tài. Bố mẹ chúng có nhà lầu cho Mỹ thuê nên chúng chơi với bọn Mỹ con, nói tiếng Anh như gió, nhai chewing gum suốt ngày và ăn đủ thứ đồ ăn Mỹ. Tất nhiên là đối với chúng chắc hẳn là chẳng có thức ăn Mỹ nào mà chúng không biết, từ hot dogs đến pizza, hamburger, hay fried chicken. Sau này chúng đi Mỹ du học từ cuối những năm 60, khi đất nước chưa có dấu hiệu gì là sẽ bị rơi vào tay Cộng Sản, trong khi anh còn là một anh thầy giáo quèn ở tỉnh lẻ, chỉ biết ăn hủ tiếu uống cà phê bí tất.

Seymour bẻ hai chiếc bánh đã cắt sẵn ra làm đôi rồi nhét nó vào chiếc toaster, lấy tay ấn cái nút xuống cho bánh chui tọt xuống dưới cái lỗ nướng của lò. Hoàng chăm chú nhìn từng hành động của Seymour vì anh biết kể từ bấy giờ trở đi cái gì anh cũng phải học cho biết. Ngày anh ở quê nhà, anh đun bếp bằng mùn چرا hay củi, rửa chén hay giặt bằng tay; nay sang đến Mỹ cái gì cũng làm bằng máy, nấu cơm bằng lò ga hay bếp điện, làm sao anh biết cho được? Anh phải học từ cách bật cái lò ga, nhấn cái nút điện, hay cài then cái máy rửa chén. Anh đâu dám thú nhận với Seymour là anh nhà quê không biết xài những máy tân tiến đó vì anh sợ Seymour sẽ cười. Do đó

anh phải chăm chú học dần. Anh cứ để Seymour làm rồi anh quan sát và tìm cách lo liệu. Được cái anh nhanh trí và khá thông minh nên anh soay sở tương đối dễ dàng.

Seymour đã lại ngồi xuống ghế, cầm lại tờ báo mà ông đang đọc dở. Ông đưa những trang báo chứa mục thể thao cho anh đọc. Hoàng cầm lấy, liếc mắt nhìn hình những tay chơi thể thao nổi tiếng in trên đó và gắng đọc những lời chú thích in dưới những tấm hình đó nhưng anh chẳng hiểu tí gì hết. Thứ Anh vẫn mà anh học được là thứ Anh vẫn trong những cuốn *Anglais Vivant* mà anh đã được phát cho khi còn đi học ở Trung học. Sau đó anh có học thêm tí Anh văn trên Đại học nhưng chỉ là thứ Anh văn văn chương mà anh phải tập dịch sang tiếng Việt. Anh nhớ mỗi tuần anh đã phải đến cái Trung Tâm Anh Ngữ ở góc đường Thành Thái để tập nghe những băng cassette tiếng Anh và tập nói dăm ba câu Anh ngữ tầm thường. Nay anh sẽ phải đối đầu với một thế giới Anh ngữ, nói đọc viết và suy nghĩ. Vì anh nghe nói muốn giỏi một thứ tiếng ngoại quốc thì học viên phải tập nghĩ bằng thứ tiếng mà mình học. Thật là khổ nạn cho anh, vì nay anh đâu còn thanh niên để mà học? Thêm vào đó những năm sống dưới chế độ Cộng Sản anh đã mù người, anh đâu có dịp nào sử dụng bộ óc của anh đâu? Bấy năm anh đã sống trong ngu muội, đầu óc anh đã bị tê liệt, thêm vào đó anh đã bị đầu độc bởi sự tuyên truyền ngu xuẩn của Cộng Sản, đã bị tẩy não, nên đã trở nên ngu xi đần độn. Nay Seymour nói với anh về những trận đấu banh football và baseball và những tay chơi banh nổi tiếng. Anh cứ ngỡ ra vì có hiểu gì đâu, biết gì để mà góp chuyện hay trả lời những câu hỏi của Seymour?

Anh đang lơ ngơ thì cũng may chiếc lò nướng bánh kê cái tạch và bốn miếng bánh muffin tung lên trên và hiện ra nơi cái lỗ lò. Seymour bỏ tờ báo xuống bàn và đứng dậy. Tay ông vớ lấy từng miếng bánh còn nóng bỏng và nhanh chóng ông phết margarine lên trên mặt từng miếng bánh rồi liệng nhanh xuống cái đĩa trước mặt Hoàng để tránh bị bỏng tay. Seymour nói:

- Bánh nóng dòn, anh ăn đi! Phết thêm Strawberry jam hay Cottage cheese nếu anh muốn!
- Cám ơn Seymour! Hoàng trả lời

Hoàng ăn mấy miếng English muffins và thấy nó cũng ngon ngon vì nó dòn và có mùi bơ. Seymour mời anh uống thêm cà phê nhưng anh từ chối. Ăn xong anh đứng dậy tính dọn bàn nhưng Florence bảo anh cứ từ từ vì thằng oắt Robie vẫn chưa ngủ dậy và tất nhiên phải để mọi thứ ở đó, đợi nó xuống ăn.

Suốt thời gian anh ăn sáng, Florence ôm chiếc điện thoại nói chuyện với những ai anh chẳng biết. Anh chỉ thấy Florence cứ nói hết với một người thì

lại bấm bấm những nút trên cái điện thoại rồi lại réo lên "Hello, how are you my dear?" Anh thấy tập tục tại gia đình Hellman cũng hơi quái lạ. Seymour và Florence cứ như là hai người xa lạ, ngồi trước mặt nhau nhưng cứ coi nhau như là nơ pa, mỗi người làm một việc riêng, không nói gì với nhau. Sau này anh mới hiểu được cái tính cách sống độc lập của người Mỹ, ngay cả trong cùng một gia đình. Hơn nữa Mỹ họ tôn trọng quyền cá nhân của con người và cái mà họ gọi là privacy hay cái riêng tư của mỗi người. Con người được tự do tối đa và cuộc sống cá nhân của mỗi người được coi là tối thiêng liêng. Do vậy mà vợ chồng sống với nhau khi thấy bị mất tự do thì họ ly dị, con cái tới tuổi 18 là rời mái gia đình để đi tìm tự do.

Seymour đã lại chui vào căn phòng gia đình ngồi coi truyền hình. Sau này Hoàng mới nhận thức rằng trước đây căn phòng này là cái gara, nay đã được sửa lại thành phòng ngồi chơi, đọc sách hay coi truyền hình cho cả gia đình. Căn phòng này rất ấm cúng vì trần thấp, diện tích thì nhỏ mà lại chứa nhiều kệ sách, và nhiều ghế đệm dài êm ái để tiện cho mọi người ngồi chơi thoải mái. Trên tường xung quanh phòng có treo nhiều khung ảnh trưng bày bao nhiêu là bằng cấp trung học, đại học và những bằng tưởng lệ của tất cả mọi người trong gia đình Hellman. Ngoài ra, còn năm sáu bức hình chụp Florence hay Seymour hay cả hai đang đứng bên cạnh những nhân vật mà anh đoán là những tai to mặt lớn ở địa phương, hình nào cũng cho thấy mọi người cười tươi như hoa.

Florence vẫn ngồi bên bàn ăn trong nhà bếp và bà vẫn bận nói chuyện điện thoại với những ai Hoàng chẳng biết. Đối với anh, nói chuyện hàng giờ trên điện thoại như thế là một chuyện lạ anh chưa từng chứng kiến. Sau này anh mới thấy rằng đó là chuyện thông thường trên đất Mỹ, nhất là đối với phụ và thiếu nữ. Điện thoại là một phương tiện tiện khi người ta khi không có việc gì làm. Người ta dùng điện thoại để cà kê dê ngỗng với các bạn bè mà không phải tốn một khoản tiền nào hết trừ phi người nói chuyện với mình ở xa, trường hợp đó phải trả thêm chi phí gọi viễn liên.

Khi thấy không ai để ý đến anh, Hoàng bèn lẳng lẳng lên lầu. Anh chẳng biết phải làm gì để giết thời giờ. Anh nằm xuống giường để tâm trí đi ngược về quá khứ. Thấm thoát đã hơn sáu tháng trôi qua kể từ ngày anh rời Saigon trốn đi vượt biên. Hai mươi bảy ngày đêm anh đã sống trong kinh hoàng để đến được biên giới Thái, rồi sau khi nằm tù tám ngày tại trại lính Paras ở Nong Chan, anh đã được Hồng Thập Tự Quốc tế đến giải cứu và đưa vào trại tị nạn NW9 dành cho người vượt biên đường bộ. Anh đã lê thân qua các trại tị nạn bên Thái Lan để rồi được đưa đến đảo Galang bên Nam Dương trước khi lên máy bay đi đến đất Mỹ. Anh đã sống vô tư lự những ngày đó, chỉ ăn ngủ, chơi rong, chờ ngày được đi định cư. Nay đã định cư, anh sẽ bắt đầu phải lo lắng, phải chuẩn bị tư tưởng để đương đầu với những khó khăn ắt phải có trong lúc đầu, khi mà anh chưa thuần thục với xã hội Mỹ mà anh mới

hội nhập. Không phải anh sợ, không phải anh không chịu được khổ, vì có cái khổ nào mà anh chưa trải qua đâu? Anh chỉ mong muốn sớm đi vào nề nếp, sớm sắp đặt cho cuộc đời mình đi vào ngăn nắp, vào khuôn khổ. Ở cái tuổi của anh, anh thấy mình phải tranh thủ, phải giành lại được những cơ hội đã mất, bù lại được khoảng thời gian đã để qua đi phí phạm. Bảy năm trời chứ đâu có ít. Bảy năm của cái tuổi mà anh sung sức nhất, bảy năm anh có thể gặt hái được những kết quả tốt đẹp nhất trong cuộc đời mình. Nghĩ đến đây, anh thấy buồn cho thân phận mình, anh cảm thấy bất hạnh, thấy sự phi lý của cái hoàn cảnh đã chi phối cuộc đời anh. Nhưng rồi anh tự an ủi: "Không sao! Mình vẫn còn trẻ, mình vẫn còn sức. Mình còn ý chí và cam đảm chịu đựng thì mình sẽ vẫn thành công. Trẻ còn hơn không. Với nghị lực và lòng hăng say, mình sẽ vượt nhanh qua những khó khăn, mình sẽ mau chóng đạt tới cái đích mà mình muốn. Sợ gì!" Thế rồi anh nghĩ đến cái đích mà anh muốn đạt tới. Trước 75, anh đã tranh đấu không ngừng để cố ngoi lên từ một anh thầy giáo lương ba cọc ba đồng, không địa vị xã hội. Anh đã dành tám năm để học luật, để cố lấy cho xong cái bằng tiến sĩ luật, và trở nên một giáo sư đại học, và từ đó mở rộng con đường tương lai. Anh sẽ sinh hoạt trong môi trường cao của xã hội, sẽ có nhiều hy vọng để đạt được những mục tiêu mà anh muốn là góp phần gây dựng một xã hội công bằng và phát triển. Đó là ước mơ của anh. Anh không mơ đến tiếng tăm hay địa vị. Anh chỉ mơ làm được một cái gì để anh tự hào, để anh không thấy mình tầm thường, mình không chỉ là một con người nhỏ nhen, ích kỷ sống cho riêng mình. Nhưng trở trêu thay cho số phận của anh, chế độ Saigon sụp đổ, Cộng Sản tràn vào miền Nam, anh chưa xong cái tiến sĩ thì đã trở thành cu li đập xích lô. "Nhưng tiếc mà làm gì?" anh lại tự nhủ. "Có lấy xong cái bằng tiến sĩ thì cũng vậy thôi. Ở Việt Nam với bọn Cộng Sản, tiến sĩ cũng như không mà mang sang đất Mỹ này thì cũng chẳng dùng được."

Cứ như thế trong đầu óc Hoàng quay cuồng những ý tưởng đầu đầu. Anh nhìn về quá khứ để thấy rằng anh còn may mắn rất nhiều. Anh đã chạy thoát được ra nước ngoài, nay tất cả tùy thuộc ở anh, tất cả sẽ tùy vào việc anh xếp đặt thế nào cho cuộc đời mình. Muốn hay là không muốn và muốn đến đâu đó là cả vấn đề. Ngay lúc này anh chưa có thể quyết định điều gì được vì còn quá sớm, anh chưa có đủ dữ kiện, anh chưa biết sẽ phải làm gì và làm thế nào. Ít nhất thì cũng phải vài tháng nữa khi anh đã có những khái niệm chín chắn về hoàn cảnh, về những điều kiện chi phối cuộc sống mới của anh. Và anh sẽ phải thăm dò, sẽ phải hỏi ý kiến người này người nọ. Thế rồi anh nghĩ đến những ngày tới đây anh sẽ phải làm gì. Cái đầu tiên mà anh phải làm liền là đi kiếm việc để sinh sống và nhất là để có tiền giúp đỡ gia đình còn kẹt lại bên nhà. Anh đã chấp nhận làm bất cứ việc gì để có tiền, dù có nặng nhọc khổ cực đến đâu. Anh nhớ những ngày còn ở Saigon, anh chỉ mơ ước đi được sang xứ ngoài để làm phu quét đường hay làm lao công. Do đó mà anh đâu có quản ngại gì, miễn sao kiếm được vào trăm mỗi tháng. Anh mong sớm có ngày anh có thể tự lập, không còn phải nhờ vả gia đình đỡ

đầu của anh. Anh sẽ thuê một căn phòng nhỏ, sẽ sống một mình không phải lệ thuộc vào ai cả. Anh sẽ có toàn tự do, muốn làm gì thì làm, đi đâu thì đi, ăn gì thì ăn, uống gì thì uống. Hoàng bỗng cảm thấy một niềm hạnh phúc dâng lên trong lòng. Anh mỉm cười sung sướng. Rồi đây anh sẽ như là con chim đại bàng tự do tung cánh bay trong vùng trời mênh mông, muốn bay lên núi thì bay, muốn bay ra biển thì bay. Anh cảm thấy bảy năm sống tù túng dưới chế độ Cộng Sản anh đã khổ siết bao. Anh đã không còn tự do để suy nghĩ, không còn tự do để mơ ước, không còn tự do để quyết định làm một cái gì. Những năm đó, anh đã sống như loài thực vật, chỉ ăn ngủ không suy tư. Đau đớn tinh thần thì có nhiều vô cùng nhưng suy tư một cách xây dựng thì không. Chỉ là đầy đoạ, đau thương của tâm hồn. Nghĩ đến đây, Hoàng rùng mình. Anh đã liều mạng trốn đi và đã thoát. Nhưng bao nhiêu người đâu có may mắn như anh? Ngay trong nhóm của anh đi bằng Kämpuchia cũng đã có hai người toi mạng và ba người bị bắt lại. Thật là khiếp khùng.

Có tiếng Florence gọi anh từ dưới nhà. Anh thoát ra khỏi giòng suy tư và uể oải đứng dậy bước xuống lầu dưới.

- Chúng tôi đi ra ngoài. Robie ở nhà với anh. Anh bảo nó đưa anh đi một vòng phố cho biết. Chừng 5 giờ chúng tôi sẽ về.

Hoàng đi theo Florence ra cửa. Anh đứng nhìn Seymour và Florence vào xe rồi chiếc xe từ từ lăn bánh. Anh bước ra phía trước căn nhà và quan sát một vòng vùng xung quanh. Căn nhà của gia đình Hellman ở ngay góc phố trên một con đường chính của Merrick. Lá khô rải đầy mặt đường và những cơn gió nhẹ làm chúng quay tròn hay bay bổng lên rồi lại rớt xuống, trông thật vui mắt. Thịnh thoảng một chiếc xe chạy qua, ngoài ra con đường vắng tanh, không một bóng người qua lại. Tỉnh nhỏ bên Mỹ vào một buổi trưa thứ bảy là như vậy hay sao? Anh quen sống trong sự nhộn nhịp của những đường phố Saigon rồi, nay đứng trước sự im lìm của một con đường nơi đất khách quê người, anh cảm thấy lòng lâng lâng buồn. Hoàng đi một vòng quanh khu vực, anh thấy nhà nào cũng cửa đóng then cài, trước sân có một hai chiếc xe hơi bong loáng đậu. Những bãi cỏ xanh mướt và những hàng rào cây cao đến đỉnh đầu tạo nên một quang cảnh xa lạ đối với anh. Không có tường ngăn chia nhà này với nhà kia như ở quê nhà, không có hàng rào song sắt như trước những biệt thự nhà giàu ở Saigon.

Anh vừa bước trở vào nhà thì thấy thằng Robie xồng xộc chạy từ trên lầu xuống.

- Mà ở đâu vậy? Tao kiếm mà không thấy! Mà hãy đi theo tao. Mình đi chơi banh.
- Chơi ở đâu?

- Chơi ở sân banh chứ chơi ở đâu. Tao sẽ đi bằng xe đạp còn mày sẽ chạy theo tao.
- Tao không đi đâu. Tao không thích chơi banh!
- Tại sao mày lại không thích chơi banh? Mày không biết chơi bóng rổ hay sao?

Quả thật anh không biết chơi bóng rổ. Hay nói cho đúng hơn, anh không biết chơi một môn thể thao nào cả. Không bóng rổ, bóng chuyền, bóng đá. Không quần vợt, không bơi lội, không đua xe. Những ngày anh còn ngồi ghế nhà trường, anh rất ghét những giờ thể dục. Lớn lên, anh chỉ chú tâm vào việc học rồi sau đó việc làm, ít dành thì giờ để giải trí. Lâu lâu, khi nào có phim xi nê hay lắm thì anh mới đi coi. Nhưng Hoàng là một con người đa cảm. Anh thích đọc tiểu thuyết, làm thơ, viết lách. Anh đã làm hàng trăm bài thơ ca tụng tình yêu. Anh mê thơ của Rimbaud, Baudelaire, và Verlaine. Phần lớn anh làm thơ tiếng Pháp nhưng đôi khi cũng dùng tiếng Việt. Khi còn thanh niên anh hay mơ mộng vợ vắn và hay buồn không cố. Bạn, anh không có nhiều nhưng anh có vài người rất thân, những người bạn cùng chí hướng, những người để chia sẻ những ước vọng hay để tâm tình. Những ngày đen tối sau năm 1975, anh đã có những người bạn ấy để nương tựa vào nhau, để chia sẻ những ưu tư hay để bàn tính chuyện ra đi. Những người bạn của anh nay vẫn còn kẹt lại. Anh thương nhớ họ như thương nhớ những người thân yêu trong gia đình vì họ đã phải chịu cùng những đớn đau do thời cuộc gây ra.

Robie đã chạy đi tìm banh. Nó kéo Hoàng ra phía nhà sau để lấy chiếc xe đạp rồi hai người ra đi. Robie đưa trái banh cho anh cầm. Nó đạp xe lòng vòng chạy tới rồi lại vòng trở lại trong khi anh cố gắng theo nó đến sân banh. Cũng may mà sân banh không cách nhà bao xa. Khi đến nơi, Robie quăng ngay chiếc xe đạp xuống đất, chạy lại nơi Hoàng đứng dành lại quả banh và bắt đầu chơi liệng banh vào rổ.

- Hoàng! Mày lại đây chơi với tao. Để xem mày có nhanh hơn tao không nào!

Cả buổi trưa hôm ấy, anh đã chơi banh với Robie, anh đã giành giật trái banh với nó và đã quen quen với việc liệng trái banh vào trong cái rổ ở trên cao.

- Ê! Mày liệng banh cũng khá đấy chứ! Sao mày nói mày không biết chơi banh?

Hoàng cũng chẳng hiểu tại sao anh lại chịu chơi banh với thằng Robie mặc dù anh không có cảm tình với nó cho lắm. Có thể vì anh không còn cách nào hơn mà cũng chẳng có việc gì làm. Ngồi không cũng buồn, anh đã chịu chơi

với thằng Robie như thể anh cùng lứa tuổi với nó, cũng lằng xằng chạy, cũng giành giật, cũng la hét như nó. Dường như anh đã quên đi con người thật của anh và sống một con người khác. Nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Những lúc cô đơn, anh lại trở về với con người cũ, lại buồn, lại lo, lại nghĩ vơ vẩn, không vô tư lự như lúc này. Những năm tháng đầu trên đất Mỹ anh vẫn sống như thế, hai con người trái ngược nhau, một trẻ trung vui sướng, một già dặn đầy ưu tư. Phải chăng Lon, người dẫn đường Miên đã đưa anh qua cái chết để tìm cái sống biết trước như thế nên đã nói với anh khi anh đến được biên giới Thái : "Mày đã được tái sinh, mày sẽ được hạnh phúc, không còn khổ nữa!" Điều chắc chắn là anh sẽ không còn khổ nữa như những ngày dài lê thê anh sống tại Saigon, những ngày tinh thần căng thẳng mơ đến một ngày thoát được ra nước ngoài. Tâm hồn anh không còn bị dẫn dắt bởi một cuộc sống trong vô vọng nữa. Nhưng anh sẽ vẫn còn buồn đôi khi, anh biết thế, vì anh còn nửa cuộc đời còn lại để xây dựng lại từ con số không, với đôi bàn tay trắng. Mà lại phải đơn độc làm cái công việc to lớn đó, thế mới khó. Anh không có gì để sưởi ấm tâm hồn, để an ủi, để nương tựa khi mệt mỏi. Anh không còn đối tượng để phấn đấu. Những người thân yêu của anh nay xa anh vạn dặm, anh phải đi một mình trên con đường thênh thang đầy bất trắc, anh phải vượt bao trở ngại trong sự cô đơn và vô tình. Nhưng anh đã sẵn sàng chấp nhận. Anh đã sẵn sàng chấp nhận hết, kể từ ngày anh quyết định bỏ nước ra đi.

- Mày ở đây, tao chạy đi nơi này một chút xíu nghe!

Robie nói với anh rồi lấy chiếc xe đạp đạp đi. Anh chẳng biết nó đi đâu và anh cũng chẳng buồn thắc mắc. Anh vừa nện trái banh xuống sàn sân, vừa chạy theo, rồi khi đến gần cột banh, anh tung trái banh lên trời cho nó rơi trúng vào cái rổ, nhưng cứ ba bốn lần như thế anh mới ném được trúng. Anh cứ chơi như thế cho quên thời gian và đến khi anh cảm thấy mệt, anh ngồi xuống một bệ xi măng chờ thằng Robie. Khi Robie trở lại, anh thấy nó cầm trong tay chai Coca uống dở, anh biết nó đi mua nước uống nhưng vẫn giả vờ hỏi nó:

- Mày đi đâu mà lâu quá vậy? Tao đã tính đi về nhà một mình!

Tuy nói thế nhưng thật ra anh cũng chẳng biết đường mà về một mình. Anh chưa quen với những đường phố nơi đây và tuy sân banh rất gần nhà anh cũng vẫn không nhớ được lối về. Bên Mỹ nhà nào cũng giống nhà nào, phố nào cũng giống phố nấy, anh chưa biết phân biệt đâu với đâu.

- Tao đi mua nước uống, gặp mấy đứa bạn đứng chơi với chúng nó một lúc!
- Tao chán chơi rồi! Tao muốn đi về nhà! Mày có về không?



- Sao mà mau chán quá vậy? Thôi về thì về. Tao không muốn ở lại đây một mình.

Robie lại chạy xe đạp phía trước, anh chạy bộ theo nó. Cứ chốc chốc nó lại vòng xe lại để cho anh bắt kịp, và chừng mười phút sau thì hai người về đến nhà. Robie chạy vòng ra phía sau nhà để cất xe, còn Hoàng ôm trái banh đi thẳng vào nhà bếp mở vòi lấy nước uống. Anh thèm uống một chai coca nhưng không mở tủ lạnh lấy uống. Có lẽ anh chưa quen coi căn nhà này là nhà anh và chưa muốn tự tiện dùng những đồ có trong nhà. Sau này khi đi làm có tí tiền, anh thường mua các thứ cần riêng chứa trong phòng anh để tiện dùng khi muốn. Con người anh như thế, anh không muốn tự tiện dùng đồ của người khác, anh cũng chẳng hiểu tại sao.

Hoàng tính lên nhà thì nghe tiếng Florence kêu từ phía cửa vào nhà:

- Hoàng! Robie! Các anh đang ở đâu? Hello!

Sau này Hoàng thấy rằng Florence có thói quen kêu lên như vậy mỗi khi đi đâu về, bước chân vào nhà. Nhiều khi anh đang đang bận trên lầu nghe Florence kêu như vậy cũng phải chạy xuống. Thằng ranh con Robie thì không như thế. Nghe mẹ nó gọi, nó cứ lờ đi không thèm trả lời. Nhiều khi Florence kêu lên "Robie! Con đâu? Hello! Hello!" cả ba bốn lần mà nó cũng vẫn cứng đầu không thèm đáp lại. Florence gọi chán rồi cũng phải thôi. Hoàng nghĩ "Gia đình này thật cũng lạ! Mẹ con chẳng coi nhau ra gì!" Nhưng rồi anh cũng quen đi với những cái mà lúc đầu anh coi là bất thường. Sống mãi trong xã hội Mỹ anh từ từ hội nhập và chấp nhận lối sống cá nhân của người Mỹ. Anh không biết rồi anh có như thế không. Có lẽ không, vì anh đã là con người Việt quá nửa đời người rồi.

- Tôi đây! Bà đã về đến nhà rồi đấy ư? Sao bà đi chơi có vui không?
- Anh Hoàng! Anh có đi đâu chơi không đấy? Robie đâu?
- Có chúng tôi có đi chơi banh. Robie đang ở trên lầu!
- Ồ! Thế tốt! Anh chơi có vui không?
- Cám ơn! Vui lắm!

Có tiếng Seymour từ nơi chiếc xe hơi đậu:

- Anh Hoàng! Ra đây phụ tôi một tay mang đồ vào!

Seymour và Hoàng lễ mễ mang những túi thực phẩm vào trong nhà. Thì ra Seymour và Florence đã đi chợ. Sau này anh mới hiểu rằng sống bên Mỹ bận rộn, người ta thường đi chợ vào cuối tuần và mua thức ăn về chứa trong tủ lạnh để ăn trong nhiều ngày. Không như ở bên nhà, người ta không đi chợ mỗi ngày, và do đó thường không được ăn đồ tươi. Mỹ ăn đồ đông lạnh, thịt

cá, đồ nấu sẵn, cái gì cũng chứa trong tủ đông lạnh, khi ăn lấy ra, xả đá trước khi nấu nướng hay hâm lại.

Hoàng giúp Seymour cất những gói thực phẩm vào tủ lạnh hay tủ chứa thức ăn. Anh ngạc nhiên thấy rằng phần lớn thức ăn Florence mua là những gói thực phẩm nấu sẵn mà bà mang về bỏ vào tủ đá và phần lớn những món ăn là cá, gà, và thịt bê. Sau này anh mới hay rằng người Do thái không ăn thịt heo và thịt bò. Họ đôi khi ăn thịt cừu non hay tôm cua, nhưng suốt thời gian anh ở trong gia đình bảo trợ Hoàng không hề được ăn tôm cua là hai thứ mà anh ưa thích. Hơn nữa, thức ăn họ ăn lạt lẽo vì không có gia vị, không mặn ngọt chua cay như thức ăn Việt. Anh thèm được ăn canh chua hay thịt kho dưa chua và một hôm một người bạn tìm ra anh và đưa anh về nhà cho ăn một bữa cơm thường có tí canh chua, thịt kho dưa giá, anh thấy sao hạnh phúc quá. Sống xa gia đình, xa người thân yêu, ngoài sự thiếu thốn tình cảm, còn cả sự thiếu thốn vật chất tầm thường, nhưng làm sao được? Số anh như vậy anh phải sống xa nhà, xa quê hương, anh phải cô đơn, và anh phải chấp nhận. Những ngày anh còn ở bậc Trung học, anh đã được giảng dạy về thuyết stoicisme. Anh đã như được sáng mắt và đã chấp nhận thuyết đó. Sau này những ngày anh thấy đau đớn, anh đã tập cắn răng chịu đựng mà không than thở. Thêm vào đó anh tin ở tiền định và chấp nhận thuyết Jansénisme. Anh coi cuộc đời con người do số trời, có người sinh ra để được sung sướng nhiều, có người sinh ra để phải chịu khổ nhiều. Và lại trong một đời người ai chẳng có thời kỳ may mắn, thời kỳ bất hạnh? Chẳng thế mà bạn anh, anh Hoảng, một tay coi tử vi xiêu đặng, chẳng nói với anh rằng con người có đại vận tốt và đại vận xấu, và riêng anh, anh đang phải trải qua một đại vận xấu là gì? Vì thế mà anh đã đi tù vì vượt biên, đã đi đập xích lô để sinh sống, và đã suýt nữa thì bỏ mạng bên Kämpuchia. Nhưng đại hạn đó đã sắp chấm dứt. Sau cơn bão tố thì trời lại nắng đẹp, anh sẽ bước qua một đại hạn tốt, cuộc đời anh sẽ từ từ đi từ khổ đến sung sướng, từ thất bại đến thành công. Và anh tin là như thế. Nhờ lòng tin ấy mà anh mới có ý chí khuất phục mọi khó khăn để tiến tới, để tìm con đường về vang cho chính mình.

Đi chợ về Florence không phải làm cái công việc tầm thường là xếp dọn, cất đồ mua về. Florence không sinh ra để làm những công việc tầm thường. Trong nhà đã có Seymour, và người đàn bà ấy đã giao cho ông chồng những công việc như là đổ rác, hút bụi, rửa chén, hay cắt cỏ. Seymour còn phải làm một công việc tầm thường nữa là dắt chó đi dạo đi ỉa. Nhưng kể từ ngày Hoàng du nhập vào gia đình Hellman thì Seymour đã được giải cứu. Ông đã trao lại những nhiệm vụ đó cho Hoàng, và anh đã phải bất đắc dĩ chấp nhận. Ít ra là cho đến ngày anh đủ lông đủ cánh bay đi, tìm cho mình một cuộc sống tự lập. Do đó về đến nhà là Florence lại vào trong căn phòng gia đình, nằm dài trên chiếc ghế nệm êm ái, nói chuyện điện thoại với những người bạn của bà.

Florence là một người đàn bà giỏi. Bà lấy chồng từ khi mới mười tám và trong khi chồng bà đi làm những công việc tầm thường để sinh sống và nuôi bà thì bà đã đi học đại học. Với ý chí bất khuất, bà đã thành công và đã đậu bằng tiến sĩ tâm lý học. Bà đã hành nghề bác sĩ tâm lý và đã có phòng mạch riêng, có nữ trợ tá và hàng ngàn bệnh nhân. Trong cái xã hội máy móc, đầy ganh đua kèn cựa, không tình cảm, khi mà cái lý ăn cái tình và đồng tiền là trên hết thì con người dễ bị khủng hoảng tinh thần và cần sự chăm sóc của những nhà phân tâm học như là Florence. Do vậy mà Florence đã kiếm được nhiều tiền và gia đình bà đã biết được sự phú quý. Từ một gia đình do thái di cư sang Mỹ với bàn tay trắng, bà và Seymour đã vươn lên và gia nhập vào giai cấp thượng lưu của xã hội. Bà là những nhà tỉ phú, những chủ ngân hàng, những nhà buôn bán dầu hỏa, những chủ công ty hàng hải, và những nhà chính trị có quyền lớn ở Nữ Ước. Cũng nhờ thế mà bà đã dễ dàng xin cho Hoàng nhập cảnh vào Mỹ mặc dù anh chẳng có tí ưu tiên nào để xin đi Mỹ cả. Anh không có anh em bà con gần sống bên Mỹ, anh không làm việc cho các cơ quan hay công ty Mỹ ở Việt nam trước đây, anh đã không đi du học bên Mỹ. Vì vậy mà đơn xin đi Mỹ tị nạn của anh đã bị bác lúc đầu. May mà Florence đã ra tay cứu anh chứ không giờ này anh đâu có nằm ở Nữ Ước?

Sau khi giúp Seymour cất dọn đồ đi chợ về, Hoàng lại lên lầu chui vào căn phòng của mình. Bảy giờ là gần sáu giờ chiều và anh đã bắt đầu thấy đói. Cũng phải hai tiếng nữa mới đến bữa cơm tối và anh chẳng biết phải làm gì trong khi chờ đợi. Anh ngồi xuống giường, lấy từ chiếc túi sách tay của anh, bó thư mà Nga, vợ anh đã viết cho anh trong thời gian hơn sáu tháng vừa qua. Những lá thư đó đã mất cả tháng trời mới đến được tay anh. Vì Cộng Sản Việt Nam không có liên lạc ngoại giao với những nước trong phe Tự Do ngoại trừ nước Pháp nên muốn biên thư cho anh Nga đã phải gửi qua Pháp rồi nhờ anh em bà con gửi tới trại tị nạn cho anh. Còn nếu gửi thẳng thì thư sẽ phải qua Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế và bị ứ đọng tại đó và như thế sẽ lâu đến tay anh hơn nữa. Và lại, thư gửi đi hay gửi về đều bị chính quyền Việt Nam giữ lại một thời gian để kiểm duyệt cho nên càng chậm trễ. Suốt trong sáu tháng trời anh chỉ nhận được bảy lá thư mặc dầu nàng đã viết hơn hai chục lá. Như vậy là hai phần ba những thư nàng gửi cho anh đã bị giữ lại hoặc đã thất lạc dọc đường. Thật là một chuyện khó tin nhưng nó đã xảy ra tại tất cả các nước Cộng Sản.

Hoàng gỡ bức thư đầu tiên ra đọc lại. Anh đã đọc những bức thư của vợ cả chục lần rồi, nhưng những lúc rảnh rỗi, những lúc anh nhớ gia đình nhất, anh thường lấy bó thư ra đọc. Nhiều lúc tay cầm là thư, anh nhắm nghiền mắt cố hình dung ra bức hình ảnh Nga ngồi viết thư cho anh và cố hình dung ra những cảm giác của nàng vào những lúc ấy. Ngoài việc kể lại những sự thể đã xảy ra trong gia đình hay những công việc nàng đã làm, Nga còn kể

lẽ những cảm nghĩ của nàng về sự thể anh đã ra đi một mình để lại các con cho một mình nàng phải trông coi dạy dỗ. Những lời trách móc cay đắng Nga thường dùng trong lúc đó làm cho Hoàng buồn và nhiều khi cảm thấy đau đớn trong lòng. Anh vẫn có cảm tưởng rằng không khi nào Nga có thể hiểu rằng anh đã hy sinh ra đi để cứu gia đình ra khỏi ngõ bí. Mặc dù có nhiều khó khăn trước mắt nhưng anh luôn luôn tin tưởng rằng rồi sẽ có một ngày anh sẽ đón được vợ con sang và gia đình sẽ lại được xum họp trong hạnh phúc tràn đầy. Đôi khi đọc thư vợ, anh thấy thương nàng đến chảy nước mắt nhưng cũng có khi anh thấy giận vợ và bực thái độ vô tâm của nàng. Nàng không thông cảm nỗi khổ tâm của anh khi phải sống đơn độc xa những người thân thương, không ý thức được những khó khăn mà anh cũng đang phải đối đầu. Trong trạng thái này anh cũng cảm thấy bất lực và chẳng biết phải làm gì hơn là khuyên răn vợ phải kiên tâm chờ đợi cái ngày tươi sáng sẽ đến với gia đình mình.

Bỗng nhiên Hoàng sực nghĩ đến việc anh phải sớm làm giấy tờ bảo lãnh cho vợ con. Công việc này anh làm càng sớm càng tốt vì sau này anh sẽ bận bịu hơn với cuộc sống. Và lại anh nghe nói làm giấy tờ xong cũng phải năm bảy năm sau mới được đoàn tụ vì chính phủ Mỹ mỗi năm chỉ cấp giấy nhập cảnh cho một số gia đình xin đoàn tụ nhất định mà thôi. Anh lo lắng nhiều vì anh mong mỏi các con anh được sang Mỹ kịp thời để đi học ít ra là bậc đại học ở đây. Có thể chúng mới có được một cuộc sống vững chãi trong tương lai. Các con anh cũng đã lớn, đứa nào cũng đã trên mười tuổi, cái khổ tâm là ở chỗ ấy!

Hoàng nằm nghĩ liên miên như thế. Gió thu thổi nhẹ nhàng qua cửa sổ làm anh thấy cũng hơi lạnh lạnh. Anh không có một chiếc áo ấm nào, không biết rồi sẽ xoay sở ra sao, vì càng cuối thu trời càng lạnh và sang đến mùa đông thì sẽ băng giá khủng khiếp. Nghĩ đến đó anh rùng mình lo lắng. Anh đứng giậy đi ra khép cánh cửa sổ lại. Ngoài kia trời đã tối đen lúc nào anh không hay. Chắc cũng sắp đến giờ cơm, anh nghĩ thế và quyết định đi xuống dưới nhà.

Quả nhiên anh thấy Florence đã chuẩn bị xong bữa cơm và Seymour đang đặt đĩa dao và muỗng niễ lên bàn. Anh nói:

- Tôi có thể làm gì để giúp ông?
- Anh hãy phụ với Florence mang thức ăn ra bàn.

Bữa cơm tối thứ nhì anh ăn với gia đình người bảo trợ trôi qua trong vòng ấm cúng. Trong lúc ăn Florence dặn anh là sáng hôm sau, sáng chủ nhật, anh phải dậy sớm để cùng đi nhà thờ. Hoàng nói anh theo Phật Giáo nên anh không đi nhà thờ, nhưng Florence bảo anh phải đi để bà giới thiệu với cộng đồng do thái của bà.

- Tất cả mọi người trong giáo xứ đều đã biết chuyện anh sẽ đến Nữ Ước và họ trông mong ngày được gặp anh!

Thế là Hoàng hết cách trốn chạy. Trong bụng, anh cũng thấy hơi ngại ngại vì anh không biết họ sẽ đối đãi với anh ra sao. Nhưng chuyện phải làm thì phải làm, anh tự nhủ. Và lại anh cũng phải tập hoà đồng trong môi trường xã hội Mỹ, phải làm quen với những phép tắc xã giao và học cách giao thiệp với người Mỹ. Anh còn mong sẽ gặp được một người giúp anh kiếm việc làm, chứ tự anh làm sao anh kiếm được ra việc?

Sáng chủ nhật, anh còn đang ngủ ngon giấc thì Florence gõ cửa buồng anh kêu anh dậy đi nhà thờ. Sau khi ăn sáng, cả nhà lên chiếc Cadillac và Seymour mở máy chạy. Chiếc xe chạy trên xa lộ về hướng Manhattan khoảng nửa tiếng thì Seymour quẹo vào một con đường nhỏ. Đi chừng vài phút thì Hoàng thấy một tòa nhà đồ sộ xây theo lối kiến trúc tân tiến với những dạng hình học trông rất đẹp mắt. Seymour quẹo vào một bãi đậu xe rộng lớn nơi đây đã có mấy chục chiếc xe đậu thành một hàng ngăn nắp. Thấy Seymour, Florence và Robie xuống xe, Hoàng cũng xuống. Anh bước theo Florence, Seymour và Robie dọc một hành lang dài bóng loáng đưa một căn phòng rộng thênh thang trong đó đã có cả trăm người, đàn ông đàn bà, già trẻ lớn bé tụ tập nói chuyện, cười đùa vui vẻ. Nhiều người thấy Florence đến, reo lên vui mừng và dang tay ra ôm bà. Seymour cũng ôm hôn đôi ba người đàn bà xồn xồn, ăn mặc rất sang trọng, trông quý phái. Hoàng và thằng Robie cứ thộn mặt ra đứng đó cho đến khi người ta thấy anh và nhìn về phía anh chỉ chỉ chỗ chỗ. Florence liền gọi anh lại gần và lần giới thiệu anh với những người quen của bà. Và cứ như thế, bao nhiêu câu "how do you do" được anh lí nhí nói ra khi dang tay bắt tay những người mà lần đầu tiên trong đời anh phải làm quen. Anh cố tạo ra cho mình một vẻ mặt sung sướng và một nụ cười tươi xã giao.

Florence đi một vòng căn phòng rộng thênh thang đó, và lẻo đẻo phía sau bà là Hoàng. Đi đến đâu bà cũng nói đôi ba câu với những người bà quen biết rồi giới thiệu với họ người thanh niên Việt Nam mà bà mới bảo lãnh. Hoàng tự hỏi sao mà bà quen nhiều người đến thế và sao ai bà cũng nhớ tên, cũng ân cần, cũng ôm hôn. Anh cảm thấy dường như việc đi chào hỏi làm quen này của anh không bao giờ chấm dứt. Nó cứ kéo dài mãi cho đến lúc gần như tất cả những ai trong căn phòng đều đã biết mặt Hoàng, đều đã bắt tay anh, đều đã nói với anh đôi ba câu xã giao và lúc đó là lúc đã đến giờ tất cả mọi người phải chuyển qua giáo đường để dự buổi giảng lễ. Ai nấy chậm chậm bước qua bốn cánh cửa mở rộng, đi vào ngồi những hàng ghế giống như những hàng ghế trong một rạp xi nê sang trọng. Seymour và Robie lúc này đã biến đi đâu mất tiêu, bấy giờ đã xuất hiện và lại ngồi cạnh Florence. Hoàng cảm thấy hơi hoang mang, ngại ngùng. Anh không biết phải làm gì,

ngồi đấy nghe buổi thuyết giảng đạo hay chuồn ra ngoài kia ngồi chờ. Anh còn đứng đó tòn ngằn thì Florence kêu anh:

- Anh Hoàng! Lại đây! Anh hãy ngồi cạnh Robie! Đây, anh hãy đội cái này lên đầu.

Bà đưa cho Robie một cái nón con con để nó chuyền tay lại cho anh. Cả Seymour và Robie đã cùng đội nón của họ trên đỉnh đầu. Anh cầm chiếc nón vải tròn con con để nó lên đầu mình, nhưng nó cứ tụt xuống. Dường như chiếc nón biết anh không phải là dân do thái và không chịu nằm yên một chỗ. Thằng ranh con Robie nhìn anh vật lộn với chiếc nón. Nó nhe răng ra cười đều và kêu lên:

- Mẹ ơi! Thằng Hoàng không biết đội nón!

Florence bèn mở ví lấy hai ba cái kẹp giấy đưa cho nó và nói:

- Con hãy dùng cái này để ghim cái nón vào tóc anh Hoàng!

Thằng Robie cầm mấy chiếc kẹp, đứng dạy bên cạnh anh. Nó la lớn:

- Mà phải ngồi yên đừng ngoáy ngoáy thì tao mới ghim được!

Nó loay hoay kẹp cái nón vào đám tóc của Hoàng nhưng chiếc kẹp cứ lại tụt ra và phải mất vài phút sau nó mới làm xong được cái công việc mà mẹ nó trao phó. Nó nói thêm:

- Rồi xong! Nhưng mà đừng có làm tụt nó ra! Tao sẽ không làm lại đâu đấy!

Florence từ nãy đến giờ đã nhìn thằng nhóc con hí hục mân mó đầu Hoàng. Bà nói:

- Anh Hoàng! Trông anh cũng được lắm! Từ nay trở đi anh là người Do thái! Anh là người Do thái gốc Việt đầu tiên, anh biết không?

Hoàng đang bực bội vì thái độ của thằng Robie nên chẳng buồn nói câu gì.

Thế rồi buổi giảng đạo bắt đầu. Có tiếng nhạc trỗi lên, rồi ông Rabbi, một ông người Do thái để râu lồm xồm đen hoắc hiện ra trên bục giảng đạo. Ông nói luyên thuyên những gì, Hoàng nghe chẳng hiểu được bao nhiêu. Có một lúc, Hoàng thấy Seymour đứng dạy đi lên phía bục giảng. Seymour mở một cuốn sách to lớn bằng mười lần cuốn tự điển của Hoàng Xuân Hãn, rồi đọc cái gì đó từ những trang giấy, có lẽ là những lời Thánh Kinh hay những câu

chuyện trong Thánh Kinh, anh không biết rõ. Anh tò mò theo rồi buổi giảng đạo này và liên tưởng đến những ngày anh lên chùa nghe các thầy giảng kinh Phật. Đôi lúc anh đưa mắt nhìn xung quanh, anh nhìn những con chiên ngoan đạo nhắm mắt nghe ông rabbi, nhìn những đứa bé con ăn mặc sang trọng nô đùa bên mẹ chúng, nhìn những cô gái mơn mớn đào tơ và anh nhớ Nga, vợ anh. Anh không biết giờ này nàng đang làm gì, có lẽ đang ngủ, vì anh nhớ loáng thoáng sáng bên Mỹ là tối bên nhà. Rồi anh nghĩ đến các con anh. Không biết chúng có nhớ anh nhiều hay không?

Đang nghĩ miên man, thì bỗng nhiên anh nghe thấy những tiếng rục rịch đứng lên, những tiếng người nói chuyện, cười đùa vui vẻ. Anh như hoàn hồn, mở mắt nhìn xung quanh. Mọi người đang lục đục đi về. Buổi lễ đã tan. Thăng ranh Robie la lớn:

- Mà ngồi đó làm cái gì vậy? Không muốn ra về hay sao?

Anh vội vàng đứng dậy. Chiếc nón con trên đầu anh rớt xuống, anh vội chụp lấy nó. Florence nhìn anh nói:

- Sao anh Hoàng? Anh thấy thế nào? Anh có thích buổi giảng đạo này không!
- Khá hay, thưa bà! Tôi thán phục ông rabbi! Ông ấy giảng rất hay!

Hoàng nói để lấy lòng Florence. Kỳ thực anh có hiểu ông rabbi nói gì đâu? và lại, gần như suốt buổi anh đã mơ mộng, có nghe gì đâu?

- Anh hãy theo tôi đến gặp ông ta! Tôi sẽ giới thiệu anh với ông ấy!

Thế là lại bắt tay, lại vài lời nói xã giao, vài nụ cười trao đổi giữa hai bên. Nhìn vóc dáng người rabbi, anh nghĩ, "Không biết đầu tóc râu ria bù xù như thế này, có khó chịu không há? Ăn uống tha hồ mà dính đồ ăn vào râu!"

Sau khi nói chuyện với ông rabbi, Florence nói với anh:

- Ông ta sẽ bảo mọi người trong giáo xứ mang cho anh quần áo giầy dép! Như thế anh khỏi tốn tiền mua! Aó ấm mùa đông rất mắc tiền! Anh cần để dành tiền, không nên tiêu hoang!

Hoàng chợt nghĩ Florence nói với anh như thể một người mẹ khuyên con. Florence không nói tuổi bà cho anh biết, nhưng anh đoán bà hơn anh chắc cũng phải hai chục tuổi! Florence có thể là mẹ anh chứ không phải là không.

Thế rồi cả nhà lại lên xe. Trên đường về, Seymour ghé lại một tiệm donuts, mua một chục bánh. Về đến nhà, Seymour pha cà phê và mọi người ngồi vào bàn ăn, ăn donut uống cà phê thay vì ăn trưa. Lần đầu tiên trong đời

Hoàng ăn cái thứ bánh đó. Anh nhìn những cái bánh tròn tròn trông tựa như những cái xăm xe hơi nhỏ, ngoài phủ đường mật, hay chocolat, hay những hạt đường vàng xanh đỏ đủ màu mà không biết thứ nào ngon. Cuối cùng anh nhắm mắt chọn đại một cái phủ chocolat, đưa lên miệng cắn một miếng và thấy cũng ngon ngon. Sau này anh được biết, nhiều người Mỹ thích ghé tiệm donuts ăn thứ bánh này uống cà phê vào buổi sáng sớm, trước khi đi làm, nhất là bọn cảnh sát.

Seymour ăn ba cái bánh rất nhanh, uống cà phê xong lại chui vào phòng gia đình xem truyền hình. Hoàng thấy ông xem banh suốt ngày không chán. Florence không ăn, chỉ uống tách cà phê rồi đi vào phòng gia đình nằm dài gọi điện thoại. Thăng ranh con Robie đã lấy mấy chiếc bánh và chai coca trốn lên lầu ngay từ đầu. Ăn xong hai cái donut và uống xong cà phê, Hoàng lại lên phòng mình chui vào giường, đắp mền ngủ. Anh không hiểu tại sao hai ba hôm nay anh cứ buồn ngủ suốt ngày. Có thể tại anh không có việc gì làm. Có thể tại anh buồn tình, anh không rõ.

Trong bữa ăn tối chủ nhật, Florence hẹn anh sáng hôm sau, sáng thứ hai, bà sẽ đưa anh đi xin thẻ an sinh xã hội để anh có thể đi làm. Bên Mỹ, không giống như bên nhà, muốn đi làm phải có số an sinh xã hội. Mỗi người sống bên Mỹ đều có một số an sinh xã hội khác nhau và do đó chính phủ Mỹ dựa vào con số này để đánh thuế lợi tức người đi làm. Hoàng lúc đầu đâu có biết điều ấy. Có bao nhiêu điều mới lạ mà anh phải mất bao lâu sau mới hiểu ra vì có ai giải thích cho anh đâu. Anh cứ như thằng nhà quê ngu si dốt nát và anh không có can đảm hỏi Florence vì sợ bị chê cười, chẳng gì xưa kia bên nhà anh cũng là giáo sư, mặt mũi đâu mà dám hỏi những câu mà Florence cho là tầm thường, những điều mà ai nấy sống bên Mỹ đều biết. Florence đâu có biết rằng những cái đó không có bên Việt Nam và xã hội, lối sống ở hai nơi khác nhau. Sau này sống ở Mỹ lâu, anh mới hiểu rằng đối với người Mỹ không có câu hỏi nào là ngây ngô, nếu mình có điều gì mình không hiểu thì mình cứ hỏi không sợ người ta cười. Nhưng mặc dù biết thế, bản chất anh vẫn không cho anh mở miệng hỏi những câu hỏi ngây ngô ấy. Thà anh mất chút thì giờ tự tìm hiểu còn hơn để người ta nhìn anh với một con mắt ngạc nhiên.

Sáng sớm thứ hai, Seymour đã thức dậy pha cà phê uống, rồi rời nhà đi ra trạm xe lửa để đi lên Manhattan làm việc. Ông làm cho một nhà in chuyên ấn hành báo dành cho phụ nữ và ông phụ trách công việc cắt xén, sắp xếp lại các bài báo trước khi cho lên khuôn. Ông đã làm cái công việc này hai mươi lăm năm, ông kêu nó nhàm chán nhưng không biết làm cái gì khác. Ông nói ông không thích công việc ông làm nhưng cũng chẳng sao, cần gì phải thích? Miễn sao có lương hàng tháng và không lo mất việc. Ông có dăm ba người bạn cứ lâu lâu lại đến chơi, ngồi uống manhattan với ông, nói chuyện diều cho bớt buồn đời. Nhưng ông không bao giờ đến chơi nhà họ mà



cũng không đi đâu ra ngoài với họ. Seymour là con người hiền lành, dễ tính, không đòi hỏi, không có những nhu cầu phức tạp. Ông không đi coi hát, chỉ lâu lâu theo vợ đi coi opera hay ballet, nhưng mỗi khi đi như thế, ông thường nằm ngủ nửa chừng trong rạp, chờ đến khi hết cho Florence đánh thức dậy ra về.

Hoàng biết là ngày thứ hai là ngày làm việc, không nên ngủ trễ nên anh đã thức dậy từ sáu giờ sáng và không dám ngủ lại. Khi anh thấy Seymour, Florence, rồi đến Robie lục đục trong nhà tắm, anh biết là một ngày làm việc đã bắt đầu. Anh đợi cho Robie ra khỏi nhà tắm để chui vào đánh răng rửa mặt. Không như những người kia, anh không đi tắm vào buổi sáng. Anh thấy người Mỹ có tục lệ cứ sáng sớm ngủ dậy là chui vào tắm nước nóng rồi mới làm gì thì làm.

Khi Hoàng xuống đến nhà dưới thì Seymour đã đi khỏi và Robie đang chuẩn bị đi học. Florence thúc nó năm lần bảy lượt nó mới chịu rời nhà, như thể đối với nó đi đến trường học là đi ra pháp trường cát. Thấy anh, Florence nói:

- Anh Hoàng, có cà phê, bagels và cream cheese. Anh ăn đi rồi tôi sẽ đưa anh đi đến sở an sinh xã hội. Hôm nay tôi phải nghỉ ở nhà để đi lo giấy tờ cho anh đó!
- Cám ơn Florence! Tôi rất biết ơn bà!

Trong khi Florence lên lầu thay quần áo, anh ngồi vào bàn uống cà phê. Anh nướng một chiếc bagel, phết cream cheese lên rồi ngồi ăn. Sau đó anh dọn bàn rồi lên lầu thay quần áo. Lúc trở xuống nhà, Florence vẫn chưa chuẩn bị xong, Trong khi ngồi chờ, anh dở tờ báo ra xem nhưng anh chưa quen đọc báo Mỹ nên nhìn vào chỉ thấy hoa mắt. Chắc còn phải khá lâu nữa thì anh mới quen đọc báo Mỹ, anh tự nhủ.

Florence đưa anh sang tỉnh bên vì Merrick không có văn phòng của sở an sinh xã hội. Bà lái xe qua những đường phố mà anh thấy lạ mắt, những dãy cửa tiệm trông không giống như ở Saigon. Đôi khi anh đi qua những toà nhà to lớn, anh thấy những bảng hiệu với những cái tên lạ hoắc như Bloomingdale, Macy's, J.C. Penny's, Merrills. Đường xá cũng rộng lớn hơn ở Saigon và xe hơi chạy như mác cửi. Florence cứ chạy một đoạn đường lại ngừng xe, nhìn phải nhìn trái rồi mới lại đi. Sau này anh mới hiểu rằng luật giao thông bên Mỹ buộc phải dừng xe mỗi khi có bảng Stop. Ở Saigon có đèn xanh đèn đỏ nhưng đâu có bảng Stop? Lần đầu tiên Seymour cho anh lái xe, qua bảng Stop anh cứ đi như thường, ông la toáng lên. Mãi sau này mỗi lần nói chuyện lái xe Seymour lại nhắc cái vụ anh chạy xe mà không chịu dừng lại ở bảng Stop này.

Sau khi điền đơn và ngồi cả tiếng đồng hồ, Hoàng đã nộp được đơn xin thẻ an sinh xã hội. Người đàn bà nhận đơn nói với anh rằng anh sẽ nhận được chiếc thẻ qua bưu điện. Trên đường ra về, anh nói Florence đưa anh đến sở Social Welfare để anh xin tiền trợ cấp tị nạn nhưng Florence trợn mắt nói với anh rằng anh là một nhà trí thức, một giáo sư đại học, không thể ngửa tay đi ăn xin xã hội được. Bà nói sáng hôm sau, anh sẽ theo Seymour đi lên Manhattan xin việc. Giỏi như anh thiếu gì việc cho anh làm, kiếm đồng tiền một cách tự hào, không thể bị mặt đi ăn welfare được. Nghe bà nói, anh cũng chẳng biết làm sao hơn. Anh được biết khi mới đến tị nạn, ai cũng được chính phủ Mỹ trợ giúp trong vòng một năm để người tị nạn có thể đi học tiếng Anh hay học nghề. Số anh khốn nạn, chui vào gia đình Hellman nên không được phép xin trợ giúp của chính phủ, vì xin như thế là hèn hạ.

Đêm hôm ấy anh nằm lo lắng miên man. Anh đang tính nếu nhận được tiền trợ cấp tị nạn thì anh sẽ gửi về cho bên nhà một nửa, chỉ giữ một nửa để chi dùng thêm khi cần. Nay việc đi tìm việc làm càng cấp kíp hơn, nếu không anh sẽ không có một đồng xu nào trong túi, muốn tiêu gì riêng cũng không được chứ đừng nói đến việc cứu giúp gia đình. Anh cầu trời ngày hôm sau đi lên Manhattan anh sẽ kiếm được việc làm liền, việc nào cũng được, miễn sao kiếm được ra tiền. Trong cơn ngủ chập chờn, anh thấy hình ảnh Nga vợ anh và các con đang vui mừng khi nhận được quà anh gửi về.

(còn nữa)